

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 30/07/2021

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

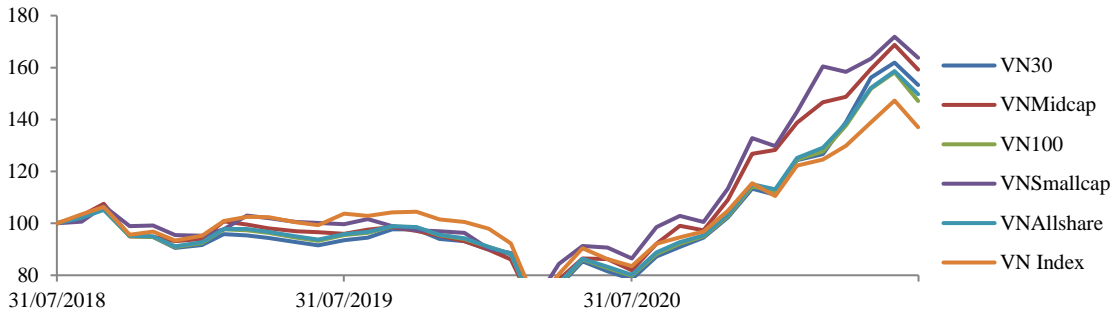
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2018 đến 31/07/2021



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/07/2018

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	13.66%	3.40%	21.25%	-5.62%	8.09%	32.41%	86.76%	49.71%	107.48%	14.40%	15.72%
VN30	14.10%	2.73%	20.73%	-5.35%	10.28%	38.05%	95.38%	53.25%	126.42%	15.29%	17.76%
VNMidcap	14.65%	1.82%	35.92%	-5.62%	7.12%	24.20%	94.50%	59.26%	82.94%	16.78%	12.84%
VN100	13.23%	3.43%	20.69%	-6.96%	6.94%	30.91%	84.52%	47.16%	109.16%	13.74%	15.90%
VNSmallcap	18.77%	1.72%	37.64%	-4.73%	3.38%	26.20%	89.49%	63.74%	60.02%	17.87%	9.86%
VN-Index	10.27%	7.76%	14.19%	-6.99%	5.46%	23.99%	64.09%	36.98%	100.86%	11.06%	14.97%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	11.46%	16.48%	21.42%	33.95%	40.50%
VN30	12.39%	17.43%	22.61%	35.49%	43.14%
VNMidcap	26.10%	28.58%	31.76%	40.14%	45.73%
VN100	16.85%	20.71%	24.89%	36.23%	42.81%
VNSmallcap	10.20%	14.46%	19.62%	29.01%	33.18%
VN-Index	11.03%	15.83%	20.62%	33.28%	40.69%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	98.57%	98.94%	98.86%	97.72%	96.92%
VN30	95.93%	97.31%	97.63%	97.28%	96.68%
VNMidcap	29.52%	45.68%	56.08%	69.45%	71.07%
VN100	6.91%	45.71%	64.46%	83.53%	87.10%
VNSmallcap	84.04%	82.78%	83.99%	82.40%	77.46%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	258	30	70	100	158
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,205,864	3,447,089	575,687	4,022,775	183,088
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,628,114	1,270,780	268,407	1,539,187	88,928
Trung bình	6,311	42,359	3,834	15,392	563
Cao nhất	116,415	116,415	27,588	116,415	3,964
Thấp nhất	13	3,793	236	236	13
Trung vị	701	31,832	2,398	3,685	365
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.15%	9.16%	10.28%	7.56%	4.46%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	52.86%	67.73%	46.68%	55.92%	28.95%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chi khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hsx.vn



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

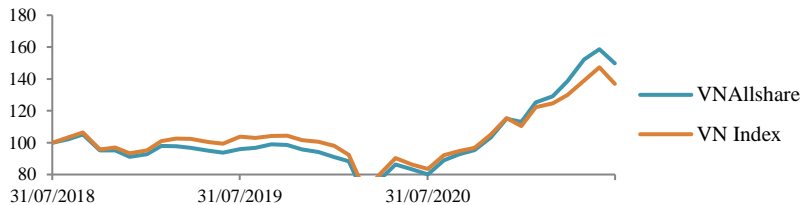
Đặc điểm chỉ số

	258
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,205,864
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,628,114
Trung bình	6,311
Cao nhất	116,415
Thấp nhất	13
Trung vị	701
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.15%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	52.86%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2018 đến 31/07/2021



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/07/2018

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	11.46%	16.48%	21.42%	33.95%	40.50%

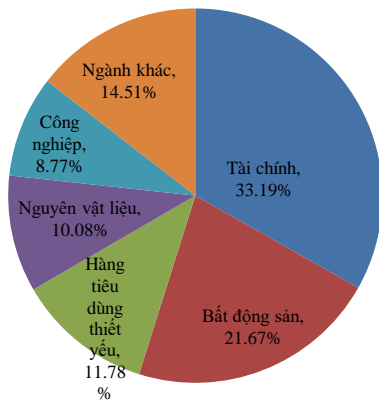
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	98.57%	98.94%	98.86%	97.72%	96.92%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNAllshare	13.66%	3.40%	21.25%	-5.62%	8.09%	32.41%	86.76%	49.71%	107.48%	14.40%	15.72%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	TCB	Tài chính	116,415	7.15%
2	HPG	Nguyên vật liệu	116,363	7.15%
3	VIC	Bất động sản	108,779	6.68%
4	VPB	Tài chính	97,331	5.98%
5	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	89,973	5.53%
6	VHM	Bất động sản	89,064	5.47%
7	FPT	Công nghệ thông tin	68,243	4.19%
8	MBB	Tài chính	65,516	4.02%
9	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	55,367	3.40%
10	NVL	Bất động sản	53,644	3.29%
		Tổng cộng	860,695	52.86%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	21	540,380	33.19%
Bất động sản	37	352,810	21.67%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	23	191,790	11.78%
Nguyên vật liệu	41	164,102	10.08%
Công nghiệp	71	142,730	8.77%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNIAllshare.

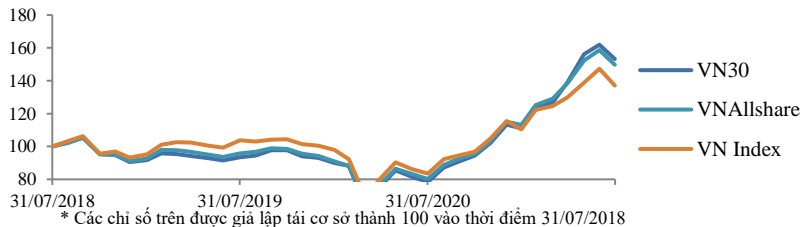
Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	3,447,089
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,270,780
Trung bình	42,359
Cao nhất	116,415
Thấp nhất	3,793
Trung vị	31,832
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	9.16%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	67.73%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
 Giá trị cơ sở: 313.34
 Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
 Tần suất tính:
 - VN30: Theo thời gian thực (5 giây/lần)
 - VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
 Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
 Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
 Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2018 đến 31/07/2021



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	12.39%	17.43%	22.61%	35.49%	43.14%

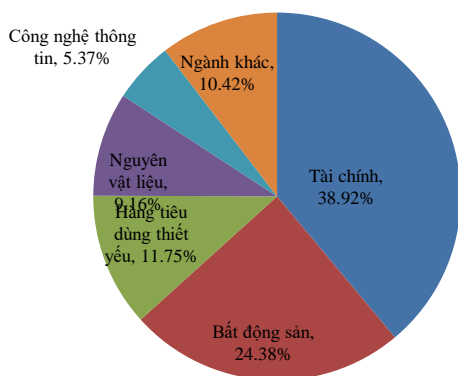
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	95.93%	97.31%	97.63%	97.28%	96.68%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN30	14.10%	2.73%	20.73%	-5.35%	10.28%	38.05%	95.38%	53.25%	126.42%	15.29%	17.76%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	TCB	Tài chính	116,415	9.16%
2	HPG	Nguyên vật liệu	116,363	9.16%
3	VIC	Bất động sản	108,779	8.56%
4	VPB	Tài chính	97,331	7.66%
5	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	89,973	7.08%
6	VHM	Bất động sản	89,064	7.01%
7	FPT	Công nghệ thông tin	68,243	5.37%
8	MBB	Tài chính	65,516	5.16%
9	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	55,367	4.36%
10	NVL	Bất động sản	53,644	4.22%
		Tổng cộng	860,695	67.73%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	11	494,612	38.92%
Bất động sản	6	309,845	24.38%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	3	149,347	11.75%
Nguyên vật liệu	1	116,363	9.16%
Công nghệ thông tin	1	68,243	5.37%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNIAllshare" và "VNIAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	575,687
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	268,407
Trung bình	3,834
Cao nhất	27,588
Thấp nhất	236
Trung vị	2,398
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	10.28%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	46.68%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014

Giá trị cơ sở: 560.19

Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập

Tần suất tính:

- VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)

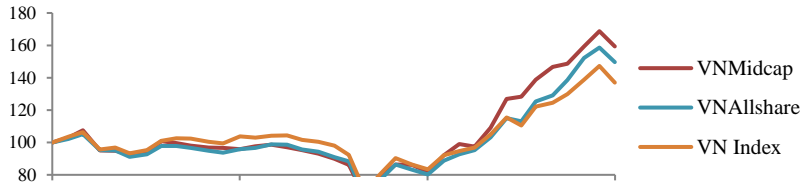
- VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%

Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.

Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2018 đến 31/07/2021



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/07/2018

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	26.10%	28.58%	31.76%	40.14%	45.73%

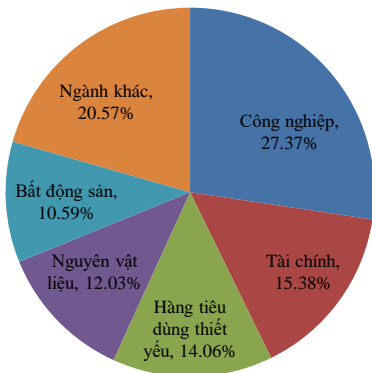
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	29.52%	45.68%	56.08%	69.45%	71.07%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	14.65%	1.82%	35.92%	-5.62%	7.12%	24.20%	94.50%	59.26%	82.94%	16.78%	12.84%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FIT	Tài chính	27,588	10.28%
2	HTI	Nguyên vật liệu	14,594	5.44%
3	GMD	Công nghiệp	12,413	4.62%
4	GTN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	11,809	4.40%
5	VGC	Công nghiệp	11,608	4.32%
6	KDC	Hàng tiêu dùng thiết yếu	11,328	4.22%
7	SAM	Công nghiệp	11,216	4.18%
8	EIB	Tài chính	9,494	3.54%
9	NT2	Dịch vụ tiện ích	8,103	3.02%
10	KOS	Bất động sản	7,137	2.66%
		Tổng cộng	125,292	46.68%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	19	73,457	27.37%
Tài chính	6	41,289	15.38%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7	37,743	14.06%
Nguyên vật liệu	9	32,276	12.03%
Bất động sản	11	28,423	10.59%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

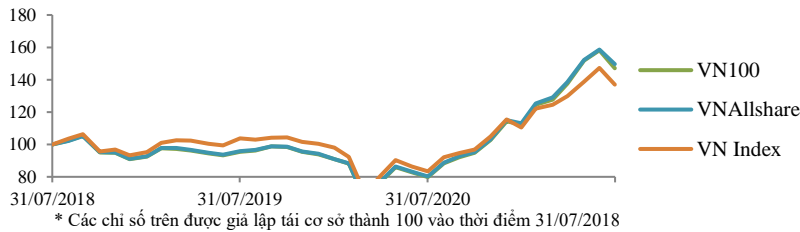


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,022,775
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,539,187
Trung bình	15,392
Cao nhất	116,415
Thấp nhất	236
Trung vị	3,685
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.56%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	55.92%

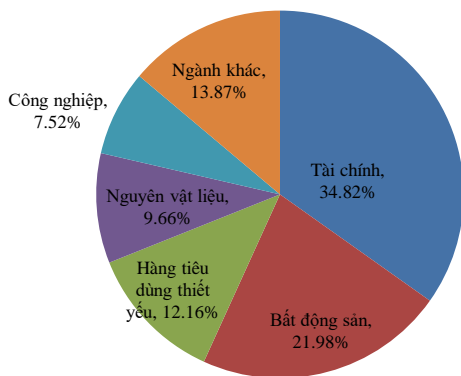
Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2018 đến 31/07/2021



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN100	13.23%	3.43%	20.69%	-6.96%	6.94%	30.91%	84.52%	47.16%	109.16%	13.74%	15.90%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	17	535,902	34.82%
Bất động sản	17	338,268	21.98%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	10	187,090	12.16%
Nguyên vật liệu	10	148,640	9.66%
Công nghiệp	22	115,809	7.52%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN100: Theo thời gian thực (5giây/ lần)
 - VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	16.85%	20.71%	24.89%	36.23%	42.81%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	6.91%	45.71%	64.46%	83.53%	87.10%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	TCB	Tài chính	116,415	7.56%
2	HPG	Nguyên vật liệu	116,363	7.56%
3	VIC	Bất động sản	108,779	7.07%
4	VPB	Tài chính	97,331	6.32%
5	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	89,973	5.85%
6	VHM	Bất động sản	89,064	5.79%
7	FPT	Công nghệ thông tin	68,243	4.43%
8	MBB	Tài chính	65,516	4.26%
9	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	55,367	3.60%
10	NVL	Bất động sản	53,644	3.49%
	Tổng cộng		860,695	55.92%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	158
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	183,088
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	88,928
Trung bình	563
Cao nhất	3,964
Thấp nhất	13
Trung vị	365
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	4.46%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	28.95%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014

Giá trị cơ sở: 560.19

Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập

Tần suất tính:

- VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/lần)

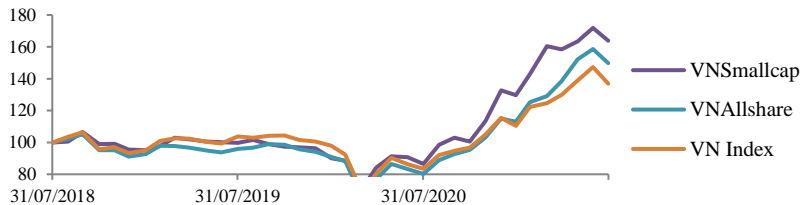
- VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%

Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.

Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2018 đến 31/07/2021



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/07/2018

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	10.20%	14.46%	19.62%	29.01%	33.18%

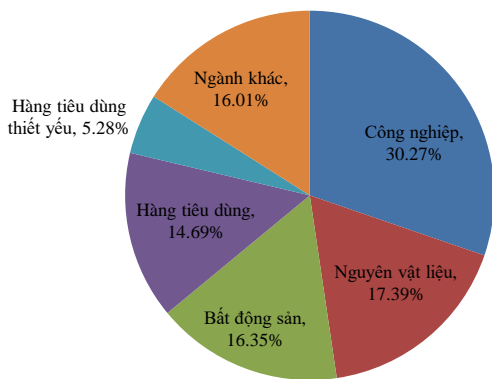
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	84.04%	82.78%	83.99%	82.40%	77.46%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNSmallcap	18.77%	1.72%	37.64%	-4.73%	3.38%	26.20%	89.49%	63.74%	60.02%	17.87%	9.86%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	HDC	Bất động sản	3,964	4.46%
2	NKG	Nguyên vật liệu	3,768	4.24%
3	DGW	Công nghệ thông tin	3,289	3.70%
4	IJC	Công nghiệp	2,735	3.08%
5	FTS	Tài chính	2,561	2.88%
6	TCM	Hàng tiêu dùng	2,434	2.74%
7	VSC	Công nghiệp	2,415	2.72%
8	HAH	Công nghiệp	1,569	1.76%
9	GIL	Hàng tiêu dùng	1,520	1.71%
10	SHI	Công nghiệp	1,488	1.67%
		Tổng cộng	25,743	28.95%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	49	26,921	30.27%
Nguyên vật liệu	31	15,462	17.39%
Bất động sản	20	14,542	16.35%
Hàng tiêu dùng	22	13,062	14.69%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	13	4,700	5.28%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

